

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ và bố trí sử dụng
cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp 7 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện “công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang”, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐÀO TẠO VÀ BỐ TRÍ SỬ DỤNG CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Công tác quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số¹:

Công tác quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số được cấp ủy đảng các cấp quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Qua tổng hợp, tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 52 người. Trong đó:

- Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch, cụ thể như sau:

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch có trình độ đại học chuyên môn trở lên là 50 người, chiếm tỷ lệ 96,2% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch. Trong đó: cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có trình độ sau đại học là 09 người (09 trường hợp có trình độ thạc sĩ).

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên là 31 người, chiếm tỷ lệ 59,6% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch.

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch có chứng chỉ quản lý nhà nước (hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức) là 36 người, chiếm tỷ lệ 69,2% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch.

¹ Số liệu tính đến ngày 06/5/2022

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên là 50 người, chiếm tỷ lệ 96,2% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch.

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên là 48 người, chiếm tỷ lệ 92,3% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quy hoạch.

- Nguồn cán bộ quy hoạch, gồm: công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên, cán bộ cấp xã, công chức cấp xã. Trong đó:

+ Công chức cấp huyện trở lên: 21 người.

+ Viên chức cấp huyện trở lên: 27 người.

+ Cán bộ cấp xã: 01 người.

+ Công chức cấp xã: 02 người.

+ Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 01 người.

- Việc rà soát chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số để bổ sung vào quy hoạch, xem xét đưa ra khỏi quy hoạch.

2. Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020²:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước là 1.218 người, gồm:

2.1. Trong nước:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng trong nước là 1.217 người, cụ thể gồm:

- Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị: 232 người (cao cấp: 15 người, trung cấp: 47 người, bồi dưỡng: 172 người).

- Đào tạo chuyên môn: 182 người (thạc sĩ: 11 người, đại học: 171 người).

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch: 36 người (chuyên viên cao cấp: 01 người, chuyên viên chính và tương đương: 12 người, chuyên viên và tương đương: 23 người).

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: 179 người (hạng II: 46 người, hạng III: 121 người, hạng IV: 12 người).

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý: 33 người (cấp sở và tương đương: 05 người, cấp huyện: 02 người, cấp phòng và tương đương: 21 người, lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp công lập: 05 người).

- Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm: 106 người.

² Số liệu tính đến ngày 06/5/2022

- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc: 363 người.

- Bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân: 86 người (Hội đồng nhân dân cấp xã: 75 người, Hội đồng nhân dân cấp huyện: 11 người).

2.2. Ngoài nước:

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được đào tạo ở nước ngoài là 01 người (đào tạo trình độ thạc sĩ theo chương trình học bổng ADS của Chính phủ Úc)³.

2.3. Chế độ trợ cấp người có trình độ sau đại học:

Đã thực hiện chi trả chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trình độ sau đại học cho 11 người (chủ yếu trình độ thạc sĩ).

2.4. Tổng kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và chế độ trợ cấp sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là 4.395,5 triệu đồng⁴.

3. Công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số:

3.1. Kết quả tuyển dụng, bố trí theo vị trí việc làm cho đối tượng dân tộc thiểu số được cử tuyển tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng (giai đoạn 2015-2020):

Trước năm 2015⁵, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã cử đi đào tạo theo chế độ cử tuyển đối với 38 trường hợp. Kết quả có 17 sinh viên tốt nghiệp đến trình diện và nộp hồ sơ để tiếp nhận vào vị trí việc làm (trong đó có 10 đối tượng là người dân tộc thiểu số), Sở Nội vụ (cơ quan được giao chủ trì tiếp nhận hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển) đã có văn bản và gửi hồ sơ đến các cơ quan, đơn vị tiếp nhận vào vị trí việc làm theo quy định với kết quả, cụ thể như sau:

a) Chia theo kết quả tiếp nhận vào vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị như sau:

- Đã tiếp nhận vào vị trí việc làm và đã nghỉ việc: 03/17, chiếm tỷ lệ 17,65%.

- Đã tiếp nhận vào vị trí việc làm (thuộc ngành y tế): 07/17, chiếm tỷ lệ 41,18%. Trong đó, có 05 đối tượng là người dân tộc thiểu số.

³ Viên chức thuộc Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

⁴ Gồm: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng là 4.175,5 triệu đồng (ngân sách nhà nước 389,5 triệu đồng, học bổng 2.500 triệu đồng, tự túc 1.286 triệu đồng); kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp sau đại học 220 triệu đồng.

⁵ Giai đoạn 2010-2014: chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt là 200 chỉ tiêu, kết quả cử 38 trường hợp đi học (chủ yếu là trình độ đại học).

- Đã tiếp nhận vào vị trí việc làm và được tuyển dụng theo quy định của pháp luật công chức (thuộc Phòng Nội vụ thị xã Tân Châu): 01/17, chiếm tỷ lệ 5,88%.

- Không thể tiếp nhận vào vị trí việc làm do đã hết biên chế hoặc thi công chức không trúng tuyển: 06/17, chiếm tỷ lệ 35,29%. Trong đó, có 05 đối tượng là người dân tộc thiểu số.

b) Chia theo năm tiếp nhận và gửi hồ sơ (sau khi tốt nghiệp):

- Năm 2015: 10/17 trường hợp, chiếm tỷ lệ 58,8%.

- Năm 2016: 01/17 trường hợp, chiếm tỷ lệ 5,9%.

- Năm 2017: 05/17 trường hợp, chiếm tỷ lệ 29,4%.

- Năm 2018: 01/17 trường hợp, chiếm tỷ lệ 5,9%.

- Năm 2019: 00 trường hợp.

c) Đánh giá kết quả xét duyệt chỉ tiêu cử tuyển, tiếp nhận vào vị trí việc làm:

Sau khi đánh giá về kết quả xét duyệt chỉ tiêu cử tuyển, tiếp nhận vào vị trí việc làm giai đoạn 2015-2019 cho thấy:

- Tỷ lệ học sinh nộp hồ sơ được duyệt so với chỉ tiêu cử tuyển rất thấp;

- Việc tiếp nhận vào vị trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển không đạt yêu cầu so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân là do:

+ Các cơ quan, đơn vị cử tuyển đã hết biên chế bố trí sử dụng;

+ Các sinh viên được tiếp nhận vào vị trí việc làm quy định là công chức phải tham gia thi tuyển theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008; nguyên tắc tuyển dụng theo luật định là phải công khai, minh bạch, cạnh tranh nên các em không cạnh tranh với các thí sinh tự do.

- Tỷ lệ sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp đến tiếp nhận vào vị trí việc làm so với số lượng sinh viên được cử đi học theo chế độ cử tuyển thấp, trong khi đó ngân sách tỉnh chi cho công tác đào tạo theo chế độ cử tuyển khá lớn.

- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị cử tuyển ban đầu tiếp nhận sinh viên cử tuyển (sau tốt nghiệp) chiếm tỷ lệ rất thấp.

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các địa phương có tỷ lệ xét tuyển vào vị trí việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp thấp cần xem xét lại nhu cầu, giảm số lượng nhằm khắc phục tình trạng sinh viên ra trường không bố trí được việc làm, lãng phí nguồn lực và ngân sách nhà nước. Do đó, sau khi đánh giá kết quả cử tuyển (giai đoạn 2015-2019), Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất không đề xuất chỉ tiêu cử tuyển năm 2020.

3.2. Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số:

- Số lượng người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang là 92.640 người, chiếm tỷ lệ 4,85% trên tổng số dân của tỉnh An Giang⁶.

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là 976 người⁷, chiếm tỷ lệ 2,72% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang⁸. Trong đó:

+ Cấp tỉnh là: 247 người⁹, chiếm tỷ lệ 2,10% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh¹⁰.

+ Cấp huyện là: 656 người, chiếm tỷ lệ 3,15% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện¹¹.

+ Cấp xã là: 73 người, chiếm tỷ lệ 2,27% trên tổng số cán bộ, công chức cấp xã¹².

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 120 người chiếm tỷ lệ 12,95% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số. Trong đó:

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có trình độ đại học chuyên môn trở lên là 116 người, chiếm tỷ lệ 96,67% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Trong đó: cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có trình độ sau đại học là 22 người (thạc sĩ: 14 người, chuyên khoa cấp I: 08 người).

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên là 90 người, chiếm tỷ lệ 75% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có chứng chỉ quản lý nhà nước (hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức) là 32 người, chiếm tỷ lệ 26,67% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên là 87 người, chiếm tỷ lệ

⁶ Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở tính đến ngày 01/4/2019 (do Cục Thống kê cung cấp), tổng số dân tỉnh An Giang là 2.164.964 người.

⁷ 976 người là tổng chung của 65 công chức, 838 viên chức và 73 cán bộ, công chức cấp xã (49 cán bộ cấp xã và 24 công chức cấp xã).

⁸ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang là 35.772 người (2.074 công chức, 30.477 viên chức và 3.221 cán bộ, công chức cấp xã).

⁹ 247 người là tổng chung của 22 công chức và 225 viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Sở, ngành tỉnh.

¹⁰ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh là 11.737 người.

¹¹ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện là 20.814 người.

¹² Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 3.221 người.

72,5% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên là 84 người, chiếm tỷ lệ 70 % trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Số lượng người dân tộc thiểu số là đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp là 158 người, gồm: Quốc hội: 01/09 đại biểu, chiếm tỷ lệ 11,11%; HĐND cấp huyện: 14/373 đại biểu, chiếm tỷ lệ 3,75%; HĐND cấp xã: 143/4.079 đại biểu, chiếm tỷ lệ 3,51%.

- Số lượng cán bộ nữ dân tộc thiểu số tham gia vào hệ thống chính trị là 507 người, gồm: cấp tỉnh: 128 người, cấp huyện: 310 người, cấp xã: 69 người.

3.3. Kết quả thực hiện nâng cao tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ¹³:

- Về tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số:

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đạt 2,42% trên tổng số biên chế được giao (do tỉnh An Giang có tỷ lệ người dân tộc thiểu số dưới 5% trên tổng dân số của tỉnh nên không thuộc chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg).

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện đạt 2,58% trên tổng số biên chế được giao¹⁴. Trong đó, huyện Tri Tôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 33,46% so với tổng dân số của huyện: qua đánh giá tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số huyện Tri Tôn tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện đạt 17,90% trên tổng số biên chế, thấp hơn 2,10 % so với Quyết định số 402/QĐ-TTg¹⁵).

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số đạt 2,26% trên tổng số cán bộ, công chức cấp xã.

¹³ Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới (sau đây gọi tắt là Quyết định số 402/QĐ-TTg)

¹⁴ 09 huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ người dân tộc thiểu số dưới 5% so với tổng dân số của huyện, thị xã, thành phố nên không thuộc chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg. Riêng, huyện Tịnh Biên có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 26,63% so với tổng dân số của huyện (tuy nhiên do UBND huyện Tịnh Biên chưa gửi báo cáo nên chưa thể đánh giá chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg).

¹⁵ Quyết định số 402/QĐ-TTg quy định: Huyện có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của huyện: tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện tối thiểu là 20% tổng số biên chế được giao

+ Tỷ lệ công chức người dân tộc thiểu số của Ban Dân tộc ở cấp tỉnh và Phòng Dân tộc ở cấp huyện:

● Ban Dân tộc cấp tỉnh có tỷ lệ công chức người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 46,67% trên tổng số biên chế được giao, cao hơn 6,67 % so với Quyết định số 402/QĐ-TTg¹⁶;

- Phòng Dân tộc cấp huyện có tỷ lệ công chức người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 73,33 % trên tổng số biên chế được giao, cao hơn 23,33% so với Quyết định số 402/QĐ-TTg¹⁷.

4. Thực hiện chính sách ưu tiên, đãi ngộ trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số:

4.1. Tuyển dụng:

a) Tuyển dụng công chức:

- Trước đây là Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, trong đó có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức là người dân tộc thiểu số như sau:

+ Đối với vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc thiểu số, việc thi môn ngoại ngữ được thay thế bằng thi tiếng dân tộc thiểu số.

+ Người dân tộc thiểu số được ưu tiên cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển, xét tuyển.

- Đến ngày 29 tháng 11 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức là người dân tộc thiểu số được thực hiện như sau:

+ Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số được miễn thi ngoại ngữ vòng 1.

+ Được điểm ưu tiên trong thi tuyển và xét tuyển công chức, người dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vào kết quả thi tại vòng 2.

- Hiện nay, việc tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Trong đó: so với quy định trước đây, người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, cụ thể như sau:

¹⁶ Quyết định số 402/QĐ-TTg quy định: Ban Dân tộc cấp tỉnh có tỷ lệ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tối thiểu là 40% tổng số biên chế được giao.

¹⁷ Quyết định số 402/QĐ-TTg quy định: Phòng Dân tộc cấp huyện có tỷ lệ công chức người dân tộc thiểu số tối thiểu là 50% tổng số biên chế được giao.

+ Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học được tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển. Việc Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng (Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2; Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển).

+ Việc miễn thi môn ngoại ngữ và điểm ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số trong tuyển dụng công chức thực hiện giống như Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (đã nêu ở trên).

b) Tuyển dụng viên chức:

Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng đối với viên chức là người dân tộc thiểu số theo đúng quy định của pháp luật và tương tự như công chức¹⁸. Tuy nhiên, có điểm khác biệt so với tuyển dụng công chức tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP đó là “không quy định đối tượng để được xét tuyển viên chức”, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có quyền quyết định lựa chọn thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức.

4.2. Đào tạo, bồi dưỡng:

Chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được rà soát, điều chỉnh theo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số nói riêng học và tự học để bảo đảm trình độ quy định, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh, cũng như ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ trợ cấp đào tạo, bồi dưỡng và chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ theo thẩm quyền, gồm: 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh¹⁹ và 01 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh²⁰. Hiện chế độ trợ cấp về đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 14/2019/HĐND ngày 11/12/2019

¹⁸ Tại Luật Viên chức, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

¹⁹ 02 Nghị quyết, gồm: Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ trợ cấp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND).

²⁰ Quyết định số 90/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ trợ cấp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND.

của Hội đồng nhân dân tỉnh²¹, bên cạnh quy định về mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tỉnh An Giang tiếp tục duy trì chế độ trợ cấp 01 lần đối với các trường hợp đi học sau đại học, cụ thể:

- Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi học sau đại học và đã tốt nghiệp được cấp bằng được nhận chế độ trợ cấp 01 lần, theo các định mức, gồm:

+ Học ở trong nước: thạc sĩ, chuyên khoa cấp I được trợ cấp 20 triệu đồng; chuyên khoa cấp II được trợ cấp 30 triệu đồng; tiến sĩ được trợ cấp 45 triệu đồng.

+ Học ở nước ngoài: thạc sĩ được cấp 22,5 triệu đồng, tiến sĩ được cấp 50 triệu đồng.

- Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng như cán bộ, công chức, viên chức người kinh. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách và ưu tiên như sau:

+ Khi được cử đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm với định mức 20.000 đồng/người/ngày. Trường hợp nữ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số: 30.000 đồng/người/ngày.

+ Được xét ưu tiên trong cử đào tạo, bồi dưỡng²².

4.3. Sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số:

- Chính sách tiền lương:

+ Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được xét ưu tiên trong thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ²³.

+ Công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện chế tập sự nếu thuộc các trường hợp tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo.

- Nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:

+ Công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số khi tham gia kỳ thi nâng ngạch công chức²⁴.

²¹ Nghị quyết 14/2019/HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang.

²² Được quy định tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

²³ Công văn số 1200/UBND-TH ngày 03/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc theo Thông tư số 08/2013/TT-BNV.

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số khi tham gia kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức²⁵.

4.4. Ngoài ra, tỉnh An Giang đã tổ chức thực hiện các quy định khác liên quan đến chính sách dân tộc theo hướng dẫn của Trung ương như:

- Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc tỉnh và Bộ Nội vụ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, trong đó:

+ Ưu tiên quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là nữ, trẻ, ít người tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị các cấp .

+ Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số công tác từ cấp huyện trở xuống đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vào vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc vị trí tương đương được bổ nhiệm lần đầu nếu còn thiếu theo tiêu chuẩn theo quy định thì vẫn được xem xét bổ nhiệm để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ, nhưng trong thời gian không quá 1/2 thời hạn bổ nhiệm, cơ quan có thẩm quyền quản lý phải có trách nhiệm cử đi đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số luôn nhận được sự quan tâm định hướng từ Trung ương, hướng dẫn kịp thời từ Bộ, ngành, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh uỷ, từ đó những chủ trương, quy định pháp luật liên quan đến công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng quy định.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao, đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước trưởng thành, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy tính tiên phong gương mẫu, sâu sát hơn với quần chúng nhân dân, đã góp phần tạo nên thành quả khá toàn diện về kinh tế - chính trị - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần đồng bào dân tộc được nâng lên và tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

²⁴ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

²⁵ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Các chính sách giáo dục cho học sinh, sinh viên đã đáp ứng được nhu cầu học tập tối thiểu của học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số. Nhờ các chế độ chính sách này mà nhiều con em đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện học hành và trở thành cán bộ, công chức, viên chức phục vụ ở các ngành, các cấp ở địa phương.

- Chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ, kịp thời đã góp phần giúp họ yên tâm công tác.

2. Khó khăn và nguyên nhân:

- Một bộ phận con em dân tộc theo học các trường nghề, trung cấp, cao đẳng và kể cả đại học không thể bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo kế hoạch. Nguyên nhân là do các cơ quan, đơn vị nơi dự kiến bố trí sau tốt nghiệp không còn biên chế hoặc nếu còn biên chế thì vị trí việc làm cần tuyển dụng không phù hợp với chuyên ngành mà sinh viên cử tuyển tốt nghiệp.

- Mặc dù có cơ chế đặc thù trong tuyển dụng đối với công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, tuy nhiên cơ chế này chưa thực sự đủ mạnh để tuyển dụng vào công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số. Bởi nguyên tắc trong tuyển dụng là thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh, cho nên dù đã có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng nhưng đại đa số các em không thể cạnh tranh với các ứng viên còn lại.

- Trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP việc tuyển dụng vào công chức đối với người học cử tuyển là người dân tộc thiểu số trong thời gian qua chủ yếu được thực hiện theo hình thức thi tuyển vào công chức, chưa thực hiện xét tuyển vào công chức. Nguyên nhân là do quy định về tiếp nhận để xét tuyển vào vị trí việc làm đối với người học theo chế độ cử tuyển theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT²⁶, Nghị định số 49/2015/NĐ-CP²⁷ còn chung chung chưa cụ thể về trình tự thủ tục tổ chức xét tuyển dụng vào làm công chức đối với người học cử tuyển.

- Quy định miễn phần thi ngoại ngữ đối với trường hợp công tác ở vùng dân tộc thiểu số khi tham gia dự tuyển vào công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP chủ yếu căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận xã thuộc vùng đồng bào dân

²⁶ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

²⁷ Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đó tại khoản 4 Điều 1 quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận hồ sơ và xét tuyển hoặc gửi hồ sơ tới các cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng để xét tuyển vào vị trí việc làm theo quy định tại Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp*”

tộc thiểu số và miền núi, Quyết định của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc công nhận áp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hiện chưa có văn bản hướng dẫn xác định vùng nào là vùng dân tộc thiểu số (vùng được hiểu là áp, xã hay huyện...) để làm căn cứ cho miễn thi ngoại ngữ theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào chính sách ưu tiên tuyển dụng trong cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, chưa có chính sách khuyến khích thôi việc đối với công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số không đáp ứng được yêu cầu công việc để thay thế bằng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có trình độ, năng lực cao hơn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc nghiên cứu ban hành Nghị định riêng quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số. Trong đó, bổ sung chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, không quy định về điều kiện ngoại ngữ, quy định cụ thể về trình tự thủ tục tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số, bổ sung thêm các chính sách ưu tiên đào tạo sau đại học đối với người dân tộc thiểu số (không quy định phải đạt tiêu chuẩn như công chức, viên chức), đào tạo tiếng dân tộc thiểu số, đào tạo ngoại ngữ đối với công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số,...

- Bộ Nội vụ phối hợp với Ủy ban Dân tộc có văn bản hướng dẫn vùng dân tộc thiểu số để làm cơ sở tổ chức thực hiện về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bộ Nội vụ nghiên cứu tham mưu Chính phủ có chính sách thôi việc đối với công chức, viên chức người dân tộc thiểu số không đáp ứng được nhu cầu công việc để tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số khác vừa đảm bảo số lượng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, vừa nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về tình hình thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND khóa X;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: HC-TC, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình